



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/9

Ramik® Green Mịn Bật Pácks

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2021-08-17

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Ramik® Green Mịn Bật Pácks
Số Danh Mục	116316, 116319
Đăng ký số	61282-23.

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Hình thù	Thuốc diệt chuột.
----------	-------------------

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

1.4 Điện thoại khẩn cấp

	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoà Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

Thông tin khác

	Sản xuất bởi: HACCO, Inc. 110 Hopkins Dr. Randolph, WI 53956-1316 U.S.A. HACCO, Inc. là công ty con thuộc sở hữu của Neogen Corporation.
--	--

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Dựa trên dữ liệu có sẵn, sản phẩm này không được phân loại là nguy hiểm.
------------------------------------	--

2.2 Các yếu tố nhãn

Cảnh báo nguy hiểm	Không có mối nguy hiểm đáng kể
--------------------	--------------------------------

2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Bụi dễ cháy: Có thể hình thành nồng độ bụi dễ cháy trong không khí.
-----------------------------	---

Rảmìk® Green Mịnì Bảt Pảcks

Phiền bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gầnnhất 2021-08-17

2.3 Các nguy cơ khác

Chứa các tài liệu có thể có hại nếu nuốt phải. Chứa chất gây nguy hiểm cho môi trường.

Thông tin khác

Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.2 Hỗn hợp

EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	REACH Số Đăng ký	Nồng độ %	Phân loại
Diphácinone		82-66-6	201-434-5		0.005%	Acute Tox. 1: H300; Acute Tox. 2: H310; Acute Tox. 4: H332; STOT RE 1: H372; Aquatic Acute 2: H401;

Hình thề

Nồng độ liệt kê có thể không đại diện cho chính xác thông số kỹ thuật sản phẩm.

Thông tin khác

Toàn văn Tuyên bố về mối nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sảu khì hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Gọi cho một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ để được tư vấn điều trị thêm.
Sảu khì tiếp xúc với mắt	Giữ mắt mở và rửa từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15-20 phút. Tháo kính áp tròng, nếu có, sảu 5 phút đầu tiên, sảu đó tiếp tục rửa mắt. Gọi cho một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ để được tư vấn điều trị thêm.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa sạch da ngay lập tức với nhiều nước trong 15-20 phút. Gọi cho một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ để được tư vấn điều trị thêm.
Nếu nuốt phải:	Gọi cho một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ để được tư vấn điều trị. Có người nhâm nhì ly nước nếu có thể nuốt. Không gây nôn trừ khi được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Không bảo giữ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sảu khì hít phải:	Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
Sảu khì tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng mắt.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Có thể gây kích ứng cho da.
Nếu nuốt phải:	Nếu nuốt phải, vật liệu này có thể làm giảm khả năng đông máu của máu và gây chảy máu. Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.

Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

Rảmik® Green Mịn Bảt Pắcks

Phiền bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gầnnhất 2021-08-17

Thông tịn khác

LƯU Ý CHO VẬT LÝ HOẶC VETERINARIAN

CÓ NHÃN VỚI BAN KHI NÀO TƯ VẤN ĐIỀU TRỊ ĐIỀU TRỊ.
 Đối với động vật ăn mồi và / hoặc có dấu hiệu ngộ độc (chảy máu hoặc tăng thời gian prothrombin), quản lý Vitamin K1.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa**5.1 Các phương tiện chữa cháy**

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xungquanh.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

Bụi dễ cháy: Có thể hình thành nồng độ bụi dễ cháy trong không khí.
 Tránh hình thành bụi. Không cho phép sản phẩm không phải loãng được xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.

5.3 Lợi khuyến dành cho lính cứu hỏa

Không hít bụi hoặc hơi. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hoá học.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải**6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp**

Trong trường hợp dọn dẹp sâu sự cố tràn, hãy mặc quần áo bảo hộ và thiết bị phù hợp để tránh tiếp xúc với da và mắt và để tránh nuốt phải hoặc hít phải. Tránh hít bụi. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu an toàn. Làm sạch khu vực kỹ lưỡng bằng chất tẩy rửa. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Quét lên. Làm sạch khu vực kỹ lưỡng bằng chất tẩy rửa. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không được đổ vào cống rãnh; vứt bỏ vật liệu này và thùng chứa của nó một cách an toàn. Vứt bỏ tuân thủ tất cả label instructions.

6.4 Xem các mục khác

Xem Phần (2, 8, ảnd 13) để biết thêm thông tịn.

Phần 7. Các lựy ý khị thảo tác và lựy trữ**7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thảo tác an toàn với hoá chất**

Áp dụng các cân nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khị xử lý, mang và phá chế. Tất cả những người xử lý (bao gồm cả người ứng dụng) phải mặc áo sơ mị dài tay và quần dài, và giày cộng với tất. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

7.2 Các điều kiện lựy giữ an toàn, bảo gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lựy trữ hoặc xử lý. Lựy trữ trong thùng chứa bản đầu ở nơi khô mát, không thể tiếp cận với trẻ em và vật nuôi. Giữ container kín và tránh xả các hoá chất khác. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

7.3 Sử dụng cụ thề

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tịn.

Thông tịn khác

Rảmìk® Green Mịn Bảt Pảcks


Phiền bản 3
 y tháng sửa đỏi, bổ sụng gầnnhất 2021-08-17

Thông tịn khác

	Thảm khảo nhản sản phẩm và / hoặc gỏi chèn đề biếtt thêm thông tịn. Làm theo hướng dẫn trên nhản.
--	---

Phần 8. Kìềm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhản

8.2 Kìềm soát phơi nhiễm

	
8.2.1. Các biệnp pháp kỹ thuật	Đảmbảo sự thông hơi đầyy đủ.
8.2.2. Các biệnp pháp bảo hộ cá nhản	Tấtt cả nhữnng người xử lý (bảo gồm cả người ứng dụng) phải mặc áo sơ mịn dài tắyy và quần dài, và giầy cộng với tắtt. Làm theo hướng dẫn trên nhản.
Bảo vệ mắt/mặt	Sử dụng khí thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.
Bảo vệ tắyy	Mặcc: Gắng tắyy chống hóả chấtt. Rừả bệnn ngoài gắng tắyy trướcc khí thắo chúnng rắ. Rừả tắyy kỹ bằng xắ phòng và nước sắủ khí xử lý và trướcc khí ắn, ắớng, nhắi kẹo cắỏ sủ, sử dụng thượcc lá hoặc sử dụng nhắ vệ sỉnh.
Thiếtt bị bảo hộ khác	Mặcc: Áo sơ mịn dài tắyy và quần dài. Rừả quần áo bị ô nhiễm, tátt biệt với các loạii Giặtt khác, với chấtt tắyy rừả và nước trướcc khí táii sử dụng.
Bảo vệ hô hấpp	Trong trườnng hợp thiếttu gió, đẹo thiếtt bị hô hấpp thích hợp.
Kìềm soát phơi nhiễm nghề nghiệpp	Bấtt kỳ người nào trựyy xuất xắtt thịt hoặc mỗii sử dụng sắủ đầyy củả sản phẩm này phải mặc. Phoi nhiễm trên gỏi hạn phơi nhiễm nghề nghiệpp đượcc đề xuất (OEL) có thề gây ảnh hưởng xắủ đếnn sức khồe. Bảo vệ quần áo khôii tiếp xúcc với sản phẩm. Cựng cấp hóả chấtt tắtt. Cựng cấp trắmm rừả mắt.

Thông tịn khác

	Thảm khảo nhản sản phẩm đề biếtt thêm các yều cầuy và khuyếnn nghị PPE. Thựcc hiệnn theo các hướng dẫn nhản.
--	--

Phần 9. Các tịn chấtt vật lý và hóả học

9.1 Thông tịn cơ bản về các đặct tịn vật lý và hóả học

Rảmìk® Green Mịnì Bảít Pảcks

Phiền bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2021-08-17

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thù	Chất rắn/Viên
Màu sắc	màu xanh lá
Mùi đặc trưng	Đặc điềm/Nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	Không có thông tin
Điềm nóng chảy	Không có thông tin
Điềm đóng băng	Không có thông tin
Điềm sôi/khoảng sôi	Không có thông tin
Điềm chớp cháyoint	Không có thông tin
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Combustible dust
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin
Tỷ trọng tương đối	0.48 - 0.64
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính ôxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Ít tan trong nước

9.2 Các dữ liệu khác

VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin
----------------------------------	--------------------

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.2 Tính ổn định hoá học

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

	Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.
--	---

10.4 Các điều kiện cần tránh

	Tránh tia lửa, ngọn lửa, nhiệt và nguồn đánh lửa. Tránh hình thành bụi.
--	---

10.5 Các vật liệu xung khắc

	Vật liệu dễ cháy.
--	-------------------

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

	Ôxít carbon.
--	--------------

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Ngộ độc cấp tính	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng. Tuy nhiên, sản phẩm này có chứa (các) chất được phân loại là nguy hiểm. Đề biết thêm thông tin, xem Phần 3.
Ăn mòn / kích ứng da	Có thể gây kích ứng cho da.

Râmik® Green Mịn Bảt Pácks

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2021-08-17

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng	Có thể gây kích ứng mắt.
Nhạy cảm	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
Biến đổi tế bào gốc	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
Độc tính gây ung thư	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoả Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong cơ quan quốc tế nghiên cứu về ung thư (IARC) chuyên khảo. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
Độc tính đối với sinh sản	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần	Các thành phần có thể gây tổn hại cho các bộ phận cơ thể người dựa trên dữ liệu động vật.
Nguy cơ hô hấp	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

11.1.2. Hỗn hợp

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

11.1.3. Thông tin nguy hiểm

	Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.
--	---

11.1.4. Thông tin độc tính

	Không có thông tin
--	--------------------

11.1.5. Nhóm sự cố

	Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.6. Tiêu chí phân loại

	Dựa trên các cân nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
--	--

11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

	Sử dụng tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Nếu nuốt phải:.. Sử dụng hít phải:.
--	---

11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.10. Hiệu ứng tương tác

	Không có thông tin.
--	---------------------

11.1.11. Thiếu dữ liệu cụ thể

	<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.
--	---

Ramiik® Green Mịn Bặt Pácks

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2021-08-17

11.1.12. Hỗn hợp so với thông tịn chất

Xem Phần (3) để biết thêm thông tịn.

11.1.13. Thông tịn khác

Thảm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tịn.

Phần 12. Thông tịn sinh thái học

12.1 Độc tịn

Không có thông tịn

12.2 Tịn bền vững và phân hủy

Không có thông tịn.

12.3 Tềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tịn.

12.4 Tịn biến đổi trong đất

Không có thông tịn.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tịn.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Sản phẩm này cực kỳ độc hại đối với động vật có vú, chim và động vật hoang dã khác. Chó, mèo và động vật có vú và chim nhặt rác có thể bị nhiễm độc nếu chúng ăn động vật đã ăn mồi này. Không áp dụng trực tiếp vào nước, hoặc các khu vực có nước mặt hoặc các khu vực ngập triều dưới mực nước cao trung bình. Không làm nhiễm bẩn nước khi vứt bỏ thiết bị rửa nước hoặc rửa sạch.

Thông tịn khác

Thảm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tịn.

Phần 13. Các lự ý về tịệu hủy

13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

Phương pháp xử lý

Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.

Xử lý bảo bì

Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này.
Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn.

Thông tịn khác

Thảm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tịn. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

Phần 14. Thông tịn vận chuyển

14.1 Số UN

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.2 Tên vận chuyển thích hợp

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

Rảmìk® Green Mịn Bảt Pảcks

Phiền bản 3

y tháng sửa đỏi, bổ sụng gầnnhất 2021-08-17

14.3 Hạng

Sản phẩm không đượ phân loại là nguy hiềm cho vận chuyền.

14.4 Nhóm đóng gói

Sản phẩm không đượ phân loại là nguy hiềm cho vận chuyền.

14.5 môi trường độc hại

Sản phẩm không đượ phân loại là nguy hiềm cho vận chuyền.

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

Sản phẩm không đượ phân loại là nguy hiềm cho vận chuyền.

14.7 Vận chuyền khối lượng lớn theo như Phụ lục II củả MARPOL 73/78 và luật IBC

Sản phẩm không đượ phân loại là nguy hiềm cho vận chuyền.

Phần 15. Thông tịn pháp luật

15.1 Các quy địn/luậ pháp về ản toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đỏi với chấ và hỗn hợp

Quy địn	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Dảnh mục hóả chấ / Dảnh sách phải biệt:	Đạo luật kiểm soát các chấ độc hại (TSCA): Sản phẩm này chửả một hoặc nhiều thầnh phần không đượ liệt kê hoặc không đượ liệt kê trên kho do quốc giả quân lý, (<0.01%). Dảnh sách các chấ độc hại cần biệt củả Mảssảchusetts: Tải liệụ này không chửả các thầnh phần báo cáo. Đạo luật Quyền đượ biệt củả Công nhản và Cộng đống New Jersey: Tải liệụ này không chửả các thầnh phần báo cáo. Quyền đượ biệt củả Pennsylvảnả: α -D-Glucopyrảnoside, β -D-Fructofurảnosyl (dựt), CAS No. 57-50-1. Luậ chụng về quyền đượ biệt củả Rhode Islảnd: Sụcrose (dựt), CAS No. 57-50-1. Dự luậ 65 củả Cảlifornả: Tải liệụ này không chửả các thầnh phần báo cáo.

Thông tịn khấc

Cơ quản quy địn bổ sụng:	Hốả chấ này là một sản phẩm thuốc trừ sảu đượ đảng ký bởi Cơ quản bảo vệ môi trường Hoả Kỳ và phải tậnh theo một số yều cầu gặ nhản theo luậ thuốc trừ sảu liền bảng. Các yều cầu này khấc với các tiệụ chí phân loại và thông tịn nguy hiềm cần thiệt cho các bảng dữ liệụ ản toàn (SDS) và cho nhản nội làm việc củả các hóả chấ không thuốc trừ sảu. Thông tịn nguy hiềm cần có trên nhản thuốc trừ sảu đượ sảo chép dưới đầy. Nhản thuốc trừ sảu cũng bảo gồm các thông tịn quản trọng khấc, bảo gồm cả hướng dẫn sử dụng.
Lời cảnh báo	CAUTION.
Các biệnh pháp phòng ngừa nhản	Tránh xả tầnh tắ trẻ em. Nguy hiềm cho con người và vậ nội. Có hại nếu nuốt phải hoặc hấp thụ quỏ đả. Gây kích ứng mắt vừa phải. Tránh tiếp xú với mắt, đả hỏy quần áo. Tránh xả trẻ em, vậ nội và vậ nội. Tất cả những người xử lý (bảo gồm cả người ứng dụng) phải mặc áo sơ mị dài tắ và quần dài, và giầy cộng với tất. Mặc: Gắng tắ không thắnh nước. Bảt kỳ người nào trự xuất xỏc thậ hoặc mỗi sử dụng sảu đầy củả sản phẩm này phải mặc Gắng tắ không thắnh nước.

Phần 16. Các thông tịn khấc

Các thông tịn khấc

Phiền bản	Tải liệụ này khấc với phiên bản trước trong các lĩnh vực sảu:. 1 - Đảng ký số. 12 - 12.1 Độc tịn.
------------------	---

Râmik® Green Mịn Bảt Pắcks

Phiền bản 3

y tháng sửa đỏi, bổ sung gầnnhất 2021-08-17

Các thông tịn khác

<p>Chú thích đỏi với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu ản toàn</p>	<p>ADR / RID: Các thỏả thuận châu Âu liện quản đén vận chuyên hàng hoá nguy hiềm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).</p> <p>CAS số: Dịch vụ tóm tắt hoá học.</p> <p>FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liện bằng Hoả Kỳ.</p> <p>GHS: Hệ thống hải hoà toàn cầu.</p> <p>HCS 2012: Tiệu chuẩn truyền thông nguy hiềm của Hoả Kỳ (sửa đỏi năm 2012).</p> <p>IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.</p> <p>ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.</p> <p>IMDG: Hàng hoá nguy hiềm hàng hải quốc tế.</p> <p>LD: Liệu gây tử vong.</p> <p>OEL: Giớ hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.</p> <p>OSHA: Cơ quản quản lý sức khỏe và ản toàn lao động Hoả Kỳ.</p> <p>PEL: Giớ hạn phơi nhiễm cho phép.</p> <p>REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoả chất.</p> <p>STOT: Độc tính của cơ quản đích cụ thề.</p> <p>SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.</p> <p>DOT Hoả Kỳ: Bộ Giảo thông Vận tải Hoả Kỳ.</p> <p>VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.</p> <p>WEL: Giớ hạn tiếp xúc nội làm việc.</p>
<p>Nội dụng chi tiết của Bảng kê H có liện quản đén mục 3.</p>	<p>Acute Tox. 1: H300 - Gây tử vong nếu nuốt phải.</p> <p>Acute Tox. 2: H310 - Gây tử vong tiếp xúc với da.</p> <p>Acute Tox. 4: H332 - Có hại nếu hít.</p> <p>STOT RE 1: H372 - Gây thiệt hại đén các cơ quản thông quả tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại .</p> <p>Aquatic Acute 2: H401 - Độc hại đỏi với đời sống thủy sinh.</p>

Thông tịn khác

	<p>TUYÊN BỐ TỬ CHỐI: Các thông tịn và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tịn") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liện quản đén tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tịn. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đén việc sử dụng sản phẩm này, Thông tịn được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng .</p> <p>Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đỏi với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiềm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.</p>
--	---